



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2019 - 2020

Phụ lục 01

KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI
08 NHNN CHI NHÁNH KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019 - 2020

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Điểm trọng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)
I	NHNN CHI NHÁNH HÀ TĨNH (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 3100	Nguyễn Sỹ Bảo	Quốc	14-04-1994		CVNV			81	81	Trúng tuyển
2	NV 3097	Nguyễn Thị Phương	Nga		16-11-1988	CVNV			79	79	Trúng tuyển
3	NV 3098	Phan Hồng	Nhật		06-07-1997	CVNV			78	78	
4	NV 3078	Nguyễn Thị Thùy	Linh		10-10-1993	CVNV			75	75	
5	NV 3101	Lê Thị	Quyên		25-04-1989	CVNV			73	73	
6	NV 3104	Nguyễn Thị Hoài	Thanh		26-04-1992	CVNV			71	71	
7	NV 3081	Lê Hải Ngọc	Châu	18-09-1991		CVNV			70	70	
8	NV 3102	Trần Thị	Quyên		27-07-1997	CVNV			69	69	
II	NHNN CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH (Chỉ tiêu: 01)										
1	NV 3073	Đoàn Phương	Thảo		23-08-1989	CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 3064	Hoàng Minh	Dũng	26-05-1997		CVNV			78	78	
3	NV 3069	Lương Đức	Lâm	04-05-1991		CVNV			75	75	
4	NV 3076	Trương Lê Hải	Yến		18-11-1997	CVNV			72	72	
5	NV 3072	Phan Thị Thanh	Thanh		22-01-1998	CVNV			69	69	
III	NHNN CHI NHÁNH QUẢNG TRỊ (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 3186	Nguyễn Lê	Châu		13-08-1995	CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 3213	Trương Thị	Trang		19-07-1993	CVNV			78	78	Trúng tuyển
3	NV 3212	Nguyễn Thị Minh	Trang		06-04-1991	CVNV			77	77	
4	NV 3183	Nguyễn Công Nữ Quỳnh	Anh		19-03-1997	CVNV			75	75	
5	NV 3210	Hồ Thị Thanh	Thúy		28-02-1998	CVNV			72	72	
6	NV 3190	Lê Hiếu	Đức		06-02-1987	CVNV			70	70	
7	NV 3193	Nguyễn Thị Thu	Hằng		02-02-1988	CVNV			69	69	
8	NV 3182	Đậu Thị Vân	Anh		19-12-1989	CVNV			68	68	
9	NV 3211	Nguyễn Thị Huyền	Thương		18-08-1996	CVNV			67	67	
10	NV 3195	Nguyễn Thị Mai	Hương		05-07-1993	CVNV			66	66	
11	NV 3205	Nguyễn Thị Thảo	Như		01-02-1997	CVNV			65	65	
12	NV 3202	Đoàn Thị Thảo	Nhi		25-12-1993	CVNV			64	64	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh ²		Vị trí dự tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)
IV	NHNN CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUỆ (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 3121	Hà Quang	Hiệp	25-10-1992		CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 3145	Nguyễn Phước Khánh	Trang		7-5-1991	CVNV			78	78	Trúng tuyển
3	NV 3116	Nguyễn Thùy	Giang		27-3-1985	CVNV			75	75	
4	NV 3129	Nguyễn Bảo	Ngọc		10-1-1997	CVNV			74	74	
5	NV 3150	Lê Thị Cẩm	Uyên		5-5-1994	CVNV			70	70	
6	NV 3148	Lê Văn Minh	Triển	15-1-1991		CVNV			68	68	
7	NV 3109	Nguyễn Đại Quốc	Anh	8-4-1992		CVNV			67	67	
8	NV 3115	Nguyễn Thùy	Dung		19-5-1991	CVNV			66	66	
9	NV 3118	Tổng Văn	Giang		23-4-1994	CVNV			65	65	
10	NV 3119	Lê Thị Thanh	Hằng		26-4-1993	CVNV			64	64	
11	NV 3123	Đỗ Quỳnh	Hương		13-2-1987	CVNV			63	63	
12	NV 3127	Nguyễn Mai Trung	Lân	9-3-1995		CVNV			62	62	
13	NV 3131	Ngô Quang	Nhật	1-2-1993		CVNV			61	61	
14	NV 3141	Dương Thị Minh	Thảo		22-1-1992	CVNV			60	60	
15	NV 3142	Hoàng Thị Ái	Thủy		5-5-1986	CVNV			59	59	
16	NV 3151	Hoàng Lê Vy	Vy		22-9-1995	CVNV	Con TB	5	54	59	
17	NV 3143	Nguyễn Thị Lệ	Thủy		28-8-1991	CVNV			58	58	
18	NV 3146	Hoàng Thị Diệu	Trâm		9-12-1986	CVNV			57	57	
19	NV 3149	Phan Ngọc Thục	Trinh		1-4-1998	CVNV			55	55	
V	NHNN CHI NHÁNH QUẢNG NAM (Chỉ tiêu: 01)										
1	NV 3036	Trần Thanh	Tuấn	29-08-1989		CVNV			74	74	Trúng tuyển
2	NV 3040	Bùi Phương	Trúc		22-12-1988	CVNV			72	72	
3	NV 3037	Hoàng Phương	Thảo		01-09-1994	CVNV			70	70	
4	NV 3034	Võ Phạm Nhất	Nguyên		30-05-1993	CVNV			69	69	
5	NV 3028	Nguyễn Quỳnh	Châu		25-09-1991	CVNV			65	65	
6	NV 3038	Phan Thị Hồng	Thắm		29-11-1998	CVNV			63	63	
7	NV 3031	Lưu Thị Thu	Hiền		19-06-1984	CVNV			60	60	



Handwritten signature or mark.

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh ³		Vị trí dự tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)
VI	NHNN CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 3017	Võ Thị	Quý		20-02-1992	CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 3012	Võ Thị Phương	Nga		09-10-1993	CVNV	Con TB	5	73	78	Trúng tuyển
3	NV 3010	Bùi Nguyễn Duy	Liêm	23-02-1992		CVNV			77	77	
4	NV 3002	Phan Thùy	Dung		02-01-1991	CVNV			76	76	
5	NV 3013	Ngô Thị Như	Ngọc		06-09-1988	CVNV			75	75	
6	NV 3001	Huỳnh Thị Thúy	Cầm		14-06-1995	CVNV			70	70	
7	NV 3018	Bùi Thị Kim	Sâm		18-12-1993	CVNV			69	69	
8	NV 3014	Lê Thị Cầm	Nhung		01-01-1991	CVNV			68	68	
9	NV 3024	Tạ Nguyễn Cầm	Trình		08-03-1997	CVNV			67	67	
10	NV 3016	Huỳnh Thị Thu	Quảng		15-10-1991	CVNV			66	66	
11	NV 3003	Lương Thành	Đức	16-09-1992		CVNV			65	65	
12	NV 3009	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ		11-04-1992	CVNV	Con TB	5	60	65	
13	NV 3026	Nguyễn Thị Thúy	Vy		08-07-1994	CVNV			64	64	
14	NV 3023	Phạm Bích	Trâm		13-06-1993	CVNV			63	63	
15	NV 3027	Trương Thị Minh	Ý		21-09-1994	CVNV			63	63	
VII	NHNN CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 3046	Đặng Thị Thúy	Hằng		04-10-1992	CVNV			84	84	Trúng tuyển
2	NV 3051	Nguyễn Danh	Khoa	18-09-1992		CVNV			82	82	Trúng tuyển
3	NV 3061	Châu Thị Phương	Thoa		12-03-1995	CVNV			80	80	
4	NV 3045	Lê Xuân	Dương	10-01-1989		CVNV			78	78	
5	NV 3049	Nguyễn Thị Ngọc	Hung		02-07-1991	CVNV			77	77	
6	NV 3042	Nguyễn Ngọc	Bảo	12-06-1994		CVNV			75	75	
7	NV 3055	Trần Tổ	Mai		16-06-1990	CVNV			73	73	
8	NV 3044	Giáp Thị Thùy	Duyên		28-07-1997	CVNV			70	70	
9	NV 3057	Phạm Thị	Nở		20-10-1993	CVNV			70	70	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh ⁴		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)
VIII	NHNN CHI NHÁNH PHÚ YÊN (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 3173	Lê Thị Thanh	Thái		18/07/1993	CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 3169	Trần Thị Thu	Nguyệt		09/10/1987	CVNV			78	78	Trúng tuyển
3	NV 3153	Phạm Thị Nguyên	Anh		25/10/1991	CVNV	Con TB	5	72	77	
4	NV 3157	Nguyễn Thị Phương	Duy		06/03/1992	CVNV			71	71	
5	NV 3170	Nguyễn Thị Kiều	Nhi		15/11/1992	CVNV			70	70	
6	NV 3161	Nguyễn Thị Thanh	Huệ		02/05/1989	CVNV			68	68	
7	NV 3156	Nguyễn Thị Phương	Dung		10/01/1993	CVNV			66	66	
8	NV 3166	Lê Thị Hải	Lý		24/06/1989	CVNV			65	65	
9	NV 3155	Nguyễn Thị Huyền	Diệu		10/12/1992	CVNV			64	64	
10	NV 3160	Nguyễn Thị Kim	Hiếu		04/08/1994	CVNV			63	63	
11	NV 3163	Vương Thị Hoa Hồng	Lịch		20/03/1992	CVNV	Con TB	5	58	63	
12	NV 3164	Nguyễn Hưng Thuý	Linh		22/01/1992	CVNV			63	63	
13	NV 3181	Nguyễn Phú	Yên		30/03/1989	CVNV			62	62	
14	NV 3172	Nguyễn Thị Lan	Quyên		25/04/1987	CVNV	Con TB	5	56	61	
15	NV 3178	Phạm Huyền	Trang		22/12/1994	CVNV			61	61	
16	NV 3175	Phạm Huỳnh	Thi	10/05/1992		CVNV			60	60	

VIỆT NAM

h